

Số: 280/2024/QĐST-HNGĐ

Giồng Trôm, ngày 30 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa:

\* *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (về tài sản chung)*:

Ông **Đỗ Hiệp P**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: Ấp D, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn*: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;

*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn (về tài sản chung)*:

Bà **Lê Thị Yến N**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Chị **Nguyễn Thị Trúc P1**, sinh năm 1977;

- Anh **Nguyễn Thành P2**, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;

Chị Nguyễn Thị Trúc P1 ủy quyền cho anh Nguyễn Thành P2 tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Anh **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc P3**, sinh năm 1987;

- Chị **Cao Nguyễn Kỳ D**, sinh ngày 19/7/2008;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện theo pháp luật của chị Cao Nguyễn Kỳ D*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc P3**, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1990;

- Anh **Nguyễn Tuấn H1**, sinh năm 1977;

- Anh **Nguyễn Tuấn Đ**, sinh ngày 10/11/2007;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;

*Đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Tuấn Đạt:* Anh **Nguyễn Tuấn H1**, sinh năm 1977 và chị **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1990, cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh **Nguyễn Thanh P4**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn P4:* Chị **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024,

### **XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L đều khai có 04 con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Ngọc P3, sinh năm 1987, Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1990 và Nguyễn Thanh P4, sinh năm 1994, đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất thừa đất số 27, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là tài sản chung của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L. Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L đồng ý chia, cụ thể:

+ Ông Nguyễn Văn H trọn quyền quản lý, sử dụng thừa đất số 27c có diện tích 321,2m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất thổ cư) thuộc một phần thừa đất số 27, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên thừa đất này, gồm: 01 (một) cây me trên 05 năm; 02 (hai) bụi tre trên 20 cây/bụi; 01 (một) cây lê ki ma từ 01 đến 03 năm; 05 (năm) cây kiểng trồng trong chậu, đường kính chậu 30cm; 02 (hai) cây kiểng trồng trong chậu, đường kính chậu 20cm; 01 (một) cây chùm ruột từ 01 năm đến dưới 03 năm; 01 (một) căn nhà nền xi măng, cột gỗ tạp, vách tole, mái tole tráng kẽm, không trần, diện tích 29,25m<sup>2</sup> và 01 (một) nhà vệ sinh dạng thô sơ.

+ Bà Hồ Thị L trọn quyền quản lý, sử dụng thừa đất số 27m có diện tích 397,6m<sup>2</sup>

(trong đó có 150m<sup>2</sup> đất thổ cư) thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên thửa đất này, gồm: 01 (một) cây xoài khác từ 05 năm đến dưới 10 năm; 01 (một) cây kiếng trồng ngoài đất, đường kính gốc < 05cm; 01 (một) bụi tre trên 20 cây/bụi; 01 (một) căn nhà nền ximăng, cột gỗ tạp + bê tông đúc sẵn + cột gạch, vách tường + tole, mái tole tráng kẽm, không trần, diện tích 60m<sup>2</sup>; sân bê tông không cốt thép trước nhà, diện tích 35m<sup>2</sup>.

Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L không phải bồi hoàn giá trị chênh lệch.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 27c có diện tích 321,2m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất thổ cư) thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Văn H và đối với thửa đất số 27m có diện tích 397,6m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất thổ cư) thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre cho bà Hồ Thị L khi có yêu cầu.

Ghi nhận bà Hồ Thị L không tranh chấp đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 40, cùng tọa lạc tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đối với các tài sản còn lại trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, các bên đương sự đều khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

(Có họa đồ kèm theo)

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về chi phí thu thập chứng cứ là 9.169.000 (chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, do ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L mỗi bên chịu ½. Ông Nguyễn Văn H đã nộp xong số tiền 9.169.000 (chín triệu một trăm sáu mươi chín nghìn) đồng nên bà Hồ Thị L phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 4.584.500 (bốn triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

- Về án phí: ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị L đều là người cao tuổi và đều có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên được miễn toàn bộ án phí (gồm án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản mà ông bà được nhận) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Phương Yến**